

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bắc và Tây Bắc dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bắc và Tây Bắc dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 305/UBND-TH ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bắc và Tây Bắc dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 67/TTr-SXD ngày 05/4/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu



tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bắc và Tây Bắc dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như sau:

“7. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất sử dụng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>		<b>79,41</b>	<b>45,70</b>
1	Đất ở		67,35	38,76
-	Đất nhà ở hiện hữu chính trang	(A1, A2)-A; (A1, ..., A3)-C	17,95	10,33
-	Đất nhà ở liên kế	(B1, ..., B3, B5)-A; (B1, B2)-B; (B1, B3, B4, B5, B6)-C	25,47	14,66
-	Đất nhà ở biệt thự	D-A; (D1, ..., D4)-B; D-C	15,28	8,79
-	Đất nhà ở liên kế bố trí tái định cư	B4-A; B2-C	2,67	1,54
-	Đất ở chung cư xã hội	C-A; C-B; C-C	5,98	3,44
2	Đất công trình công cộng		8,61	4,95
-	Đất giáo dục	(F1, ..., F3)-A; (F1, F2)-B; (F1, F2)-C	7,15	4,11
-	Đất công trình công cộng khác	E-A; E-B; E-C	1,46	0,84
3	Đất cây xanh, hoa viên, thể dục thể thao	G-A; G-C	3,45	1,99
<b>II</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>		<b>94,36</b>	<b>54,30</b>
1	Đất công trình công cộng (Trụ sở cơ quan)	E	1,84	1,06
2	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp	I1, ..., I5; H1, ..., H11	31,23	17,97
3	Đất cây xanh, hoa viên, thể dục thể thao		11,72	6,74
-	Đất cây xanh, hoa viên, thể dục thể thao	G	3,20	1,84
-	Đất cây xanh kết hợp dịch vụ	GX1, GX2	8,52	4,90
4	Đất dự trữ	L1, ..., L5	11,92	6,86
5	Đất giao thông		37,65	21,67
-	Đất giao thông		37,08	21,34
-	Đất bãi đậu xe	p	0,57	0,33
<b>Tổng cộng</b>			<b>173,77</b>	<b>100,00</b>

Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 2.** Giao UBND thành phố Buôn Ma Thuột thông báo nội dung điều chỉnh nêu trên, để các tổ chức, cá nhân liên quan biết và giám sát thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN. (Hg.17)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Cảnh**

